TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **27**/2018/HSST
Ngày 16/5/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***

Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Phong**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Võ Hoàng Ân**

2/ Ông **Nguyễn Thành Thái**

- *Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Bà **Trần Thị Huyền Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:* Bà **Trần Thị Tuyết Minh** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 15/2018/HSST ngày 23 tháng 3 năm 2018, về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/QĐXX-ST ngày 02 tháng 5 năm 2018 đối với các bị cáo:

1/ **Dương Minh N**; sinh năm 1992; HKTT: Số 219/19A VTT, khu phố QTr, phường VQ, thành phố RG, tỉnh KG; Trình độ văn hóa: 11/12; Nghề nghiệp: Tài xế; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Dương Hoàng Tr; sinh năm 1972 và bà Phạm Thị M; sinh năm 1973; Vợ tên Dương Thị H O; sinh năm 1994 và có 01 người con sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị được cho tại ngoại để điều tra cho đến nay (có mặt).

2/ **Châu Quốc C**; sinh ngày 25/4/1975; HKTT: ấp HT, xã MT, huyện CT, tỉnh KG; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Tài xế xe; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Châu Kết L; sinh năm 1958 và bà Sầm Thị D; sinh năm 1957; Vợ tên Lê Thúy H; sinh năm 1976 và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được cho tại ngoại để điều tra cho đến nay (có mặt).

Người bị hại: Anh **Phạm Văn P**; sinh năm 1982 (có mặt)

HKTT: ấp LQ, xã LQ, huyện HĐ, tỉnh KG

Chổ ở hiện nay: Số 08 NHĐ, P. RS, TP. RG, tỉnh KG

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Huỳnh Long T**; sinh năm 1967 (có mặt)

Trú tại: Tổ 01, ấp TT, xã GT, huyện CT, tỉnh KG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Dương Minh N là tài xế xe tải số 68C – 021.95 do anh Phạm Văn P HKTT: ấp LQ, xã LQ, huyện HĐ, tỉnh KG làm chủ hành nghề dịch vụ vận tải thuê. Vào sáng ngày 21/9/2017 anh P nhận được hợp đồng của chị Thái Ng Tr là Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H T ở thành phố GR, tỉnh KG thuê vận chuyển 1.300 kết bia Sài Gòn đỏ chưa qua sử dụng từ nhà máy bia Kiên Giang đóng trên địa bàn xã TL, huyện CT, tỉnh Kiên Giang đến huyện Kiên Lương. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày anh P phân công N chạy xe tải đến nhà máy bia SGKG để nhận 1.300 kết bia chở đến huyện Kiên Lương giao cho khách hàng. Sau khi nhận hàng xong N điều khiển xe ra khỏi cổng khu Công Nghiệp thì N nảy sinh ý định chiếm đoạt 224 kết bia đem bán lấy tiền trả nợ. N điện thoại cho người bạn tên Th (không rõ địa chỉ, họ tên) để nhờ tìm người mua bia. Sau đó, Th điện thoại cho Châu Quốc C là người chuyên đi giao hàng cho các nơi nói có người bạn còn dư 224 kết bia Sài Gòn đỏ muốn bán và hỏi C có mua không thì C đồng ý mua, T nói với C là người bán bia đang đậu chiếc xe tải màu vàng ở đoạn trước cổng khu công nghiệp TL huyện CT, tỉnh Kiên Giang. Một lúc sau, C điều khiển xe chạy đến nơi thì thấy N đang đậu xe đợi chờ sẵn, khi cả hai gặp nhau N nói với C còn dư 224 kết bia sài gòn đỏ muốn bán luôn cả bia và kết nhựa với gi á 140.000đồng. Lúc này C biết số bia này không phải của N nhưng do thấy giá thấp và bán lại có lời nhiều nên đồng ý mua, C gọi điện cho ông Huỳnh Long T là chủ đại lý bia ở chợ GT là nơi C hay giao hàng và nói "có người kêu bán 224 kết bia với giá 170.000đồng anh có mua không" ông T đồng ý mua và kêu C chở bia đến quán LT giao cho ông T 224 kết bia Sài Gòn đỏ và ông T giao cho C 38.080.000đồng, C trả cho N số tiền 31.360.000 đồng, số tiền còn lại là 6.720.000đồng C cất giữ rồi chạy xe về nhà. Đến sáng ngày 22/9/2017 anh P đến bãi

giữ xe ở phường RS thì thấy xe chở bia vẫn còn đậu tại đây nên kêu N chở đi giao cho khách hàng. Sau đó N điều khiển xe đến huyện Kiên Lương. Khi xe vừa đến dốc cầu Ông Hiển thì tắt máy và tuộc dốc. N đậu xe lại kiểm tra thì bị những mảnh vở chia bia đâm đứt chân nên N điện thoại cho anh P hay rồi đi bệnh viện điều trị vết thương. Sau đó, anh P đến chỗ xe đậu kiểm tra thì phát hiện trên xe bị mất 224 kết bia sài gòn đỏ nên đến Công an phường Vĩnh Hiệp, thành phố rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tố giác vụ việc trên. Qua làm việc N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá số: 78/KL-HĐĐGTS ngày 09/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Châu Thành kết luận: 224 kết hia sài gòn đỏ có giá trị là 45.696.000đồng..

Vật chứng trong vụ án: 224 kết bia Sài Gòn đỏ chưa qua sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Phía bị hại anh P đã nhận lại tài sản 224 kết bia Sài Gòn đỏ và không yêu cầu gì không xem xét.

- Đối với ngươi có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Long T yêu cầu bị cáo N phải trả lại số tiền 31.360.000đồng cho ông, N chấp nhận bồi thường. Bị cáo N đã bồi thường được 15.000.000đồng, buộc bị cáo N tiếp tục bồi thường cho ông T số tiền 16.360.000đồng.

Trong quá trình điều tra bị cáo Châu Quốc C đã giao nộp lại số tiền 6.720.000 đồng và Cơ quan điều tra đã trả lại cho T số tiền trên là có căn cứ..

Đối với chiếc điện thoại N và C dùm liên lạc để phạm tội, qua làm việc N khai đã làm mất ở đâu không nhớ, nên không tịch thu được.

Tại bản cáo trạng số: 22/CT- VKS –CT ngày 23/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Dương Minh N về tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 và truy tố bị cáo Châu Quốc C về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Dương Minh N phạm tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và truy tố bị cáo Châu Quốc C về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Và đề nghị Hội đồng xét xử:

1/ Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140 BLHS năm 1999; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 BLHS năm 2015, xử phạt bị cáo **Dương Minh N** từ 03 đến 06 tháng tù.

2/ Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 BLHS năm 2015, xử phạt bị cáo **Châu Quốc C** từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Về biện pháp tư pháp đề nghị HĐXX Toà án nhân dân huyện Châu Thành áp dụng Điều 48 Bộ Luật hình sự năm 2015 được sữa đổi bổ sung năm 2017, Điều 585 và Điều 589 BLDS năm 2015 buộc Dương Minh N trả lại cho ông Huỳnh Long T số tiền còn lại là 16.360.000 đồng.

Các bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành.

Các bị cáo được nói lời nói sau cùng, các bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] - Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiền hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] - Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, thể hiện: Dương Minh N là tài xế xe tải do anh Phạm Văn P chủ hành nghề dịch vụ vận tải thuê. Vào khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 21/9/2017 anh P điều động N đến nhà máy bia Kiên Giang trú tại xã TL, huyện CT nhận 1.300 kết bia Sài Gòn đỏ chở lên huyện Kiên Lương để giao cho khách. Sau khi nhận bia xong, N điều khiển xe ra khỏi cổng khu công Nghiệp thì N liền nảy sinh ý định chiếm đoạt một số bia trên xe

đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. N điện thoại cho Th (không rỏ nhân thân lai lịch) nhờ tìm người mua bia dùm thì Th đồng ý và gọi điện cho Châu Quốc C nói có người kêu bán bia ở trước cổng khu công nghiệp Thạnh Lộc. C liền điều khiển xe đến khu công nghiệp TL thì gặp N khi cả hai gặp nhau N ngã giá bán cả bia, vỏ bia và kết nhựa với giá 140.000 đồng/kết (giá thị trường 204.000 đồng). Lúc này C biết được số bia trên không phải của N nhưng vì hám lợi C đồng ý mua. Sau khi mua được số bia trên C đem bán lại cho ông Huỳnh Long T với giá 170.000 đồng/ kết, C thu lợi được 6.720.000 đồng. Theo như kết quả định giá tài sản thì 224 bia sài gòn đỏ và kết nhựa đựng vỏ chai bia có giá trị là 45.696.000 đồng. Đối chiếu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 BLHS năm 1999 thì "Người nào có một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ bốn triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới bốn triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm: *a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó"*. Như vậy, hành vi lợi dụng lòng tin để chiếm đoạt 224 kết bia sài gòn đỏ có giá trị là 45.696.000 đồng của bị cáo N đã đủ yếu tố cấu thành tội " Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" như đã viện dẫn nêu trên. Đối chiếu theo quy định tại khoản 1 Điều 250 BLHS năm 1999 thì *"1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm"*. Như vậy, việc bị cáo C biết rỏ số lượng bia mà N kêu bán là tài sản bất hợp pháp nhưng vì hám lợi mà C vẫn mua để thu lợi bất chính cho bản thân đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" như đã nêu trên.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản hợp pháp của người bị hại mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án.

Xét hành vi phạm tội của từng bị cáo, HĐXX nhận thấy:

- Đối với bị cáo N là người có đủ năng lực nhận thức việc tự ý lấy tài sản của người khác, cụ thể là lấy bia của anh P đem bán khi chưa được sự đồng ý của anh P là vi phạm pháp luật. Thế nhưng chỉ vì tham lam và lợi dụng sự quen biết tin

tưởng của anh P giao cho bị cáo chở 1.300 kết bia sài gòn đỏ giao cho khách để rồi khi nhận được bia bị cáo lại gian dối chiếm dụng lại 224 kết bia sài gòn đỏ đem bán lấy tiền tiêu xài cho bản thân. Hành vi phạm tội của bị cáo không những đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của anh Phong mà còn gây dư luận xấu trong xã hội, tạo nên tâm lý bất an, sự thiếu tin tưởng lẫn nhau trong cuộc sống xã hội hiện nay.

- Còn đối với bị cáo C mặc dù nhận thức được 224 kết bia mà N kêu bán cho bị cáo là tài sản bất hợp pháp vì trên thực tế giá mỗi kết nhựa đựng vỏ chai bia và nước bia sài gòn đỏ là 204.000 đồng, trong khi đó N kêu bán cho bị cáo chỉ với 140.000 đồng. Từ lợi nhuận thu được khá cao mà bị cáo đã bất chấp pháp luật đồng ý mua toàn bộ số bia trên để đem bán lại cho ông T, thu lợi được 6.720.000 đồng. Từ hành vi sai phạm của bị cáo đã tiếp tay tạo điều kiện cho N thực hiện hành vi phạm tội được hoàn thành trót lọt, gây khó khăn cho việc phát hiện, điều tra và xử lý người phạm tội.

Với hành vi phạm tội của các bị cáo, HĐXX nghị án thảo luận cần có mức tương xứng để răn đe, giáo dục các bị cáo, đồng thời cũng nhằm ngăn ngừa chung cho xã hội.

[3] – Xét về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhân thân các bị cáo tốt không có tiền án tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015. Ngoài ra cho thấy bị cáo C là người có nơi cư trú rỏ ràng, bị cáo chỉ nhất thời phạm tội số tiền thu lợi không lớn nên cần xem xét áp dụng thêm Điều 65 BLHS năm 2015 cho bị cáo cũng là phù hợp. Từ những phân tích nêu trên, HĐXX nghị án thảo luận sẽ xem xét hình phạt khi lượng hình để có mức án phù hợp đối với từng hành vi phạm tội của mỗi bị cáo nhằm để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành một công dân tốt sống có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời cũng nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của Đảng và nhà nước.

[4] - Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc định tội danh, khung hình phạt cũng như việc áp dụng các điều luật để xử lý vụ án là có căn cứ pháp luật nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

[5] - Về trách nhiệm dân sự:

5.1 Trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành đã thu hồi 224 kết bia sài gòn đỏ của ông Huỳnh Long T để đã trả lại cho

người bị hại anh Phạm Văn P. Do tài sản đã nhận lại đầy đủ nên anh P không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét.

5.2 Tại tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Long T yêu cầu N và C trả lại cho ông số tiền 38.080.000 đồng mà ông đã bỏ ra mua 224 kết bia sài gòn đỏ từ N và C nhưng hiện tại ông T đã nhận lại được 15.000.000đồng từ bị cáo N và 6.720.000 đồng từ bị cáo C, còn lại 16.360.000 đồng ông T yêu cầu bị cáo N phải tiếp tục bồi thường, ngoài ra ông không yêu cầu gì thêm. Bị cáo N đồng ý tiếp tục trả số tiền 16.360.000 đồng còn lại cho ông T. Xét sự thỏa thuận trên là tự nguyện và không trái pháp luật nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

[6] - Về đánh giá vật chứng, xử lý vật chứng: Đối với 224 kết bia sài gòn đỏ mà Công an đã thu giữ và đây là tài sản của ông Phạm Văn P nên trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành đã tiến hành trao trả lại cho anh P. Xét việc trao trả tài sản trên là đúng pháp luật nên HĐXX không xem xét.

[7] - Về án phí: Xử buộc các bị cáo N và C phải có nghĩa vụ nộp án phí Hình sự sơ thẩm, ngoài ra bị cáo N còn phải nộp thêm án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Dương Minh N phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, bị cáo Châu Quốc C phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

1/ Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140 BLHS năm 1999 được sữa đổi bổ sung năm 2009; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 BLHS năm 2015 được sữa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo **Dương Minh N 06** (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2/ Áp dụng khoản 1 Điều 250 BLHS năm 1999 được sữa đổi bổ sung năm 2009; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 BLHS năm 2015 được sữa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo **Châu Quốc C 06** (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **12** (mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Châu Quốc C cho Ủy ban nhân dân xã MT, huyện CT, tỉnh KG giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự áp dụng Điều 48 BLHS năm 2015 được sữa đổi bổ sung năm 2017; Điều 585 và Điều 589 BLDS năm 2015 xử buộc bị cáo Dương Minh N phải trả lại cho ông Huỳnh Long T số tiền 16.360.000 đồng.

Về án phí áp dụng khoản 2 Điều 99 BLTTHS và Điều 23 nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử buộc các bị cáo Dương Minh N và Châu Quốc C mỗi người phải nộp 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm, ngoài ra bị cáo N còn phải nộp thêm (16.360.000 đồng x 5%) = 818.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho các bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên Tòa

Nguyễn Thanh Phong

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Công An huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo; người bị hại và NLQ;
- Lưu.